

Bản án số: 170/2018/DS-PT

Ngày 28 - 6 - 2018

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và  
yêu cầu huỷ giấy CNQSDĐ.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Văn Bình

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Xuân Minh

Ông Hoàng Thanh Dũng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Cao Minh Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp Quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 697/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1/. Ông Nguyễn Quốc Kh, có mặt.

2/. Bà Nguyễn Thị Mười H, có mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 10, xã V A, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Vũ Anh Q - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hậu Giang, có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh Th, địa chỉ: Ấp 10, xã V A, huyện L, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/. Nguyễn Văn C, vắng mặt.

- 2/. Nguyễn Thị T, có mặt.
- 3/. Nguyễn Thị Ch, vắng mặt.
- 4/. Nguyễn Thị S, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị S: ông Nguyễn Minh Th.

- 5/. Phạm Thị H, vắng mặt.
- 6/. Nguyễn Duy Kh1, vắng mặt.
- 7/. Nguyễn Minh Ch1, vắng mặt.
- 8/. Nguyễn Thị Thúy L, vắng mặt.
- 9/. Nguyễn Thị T1, vắng mặt.
- 10/. Nguyễn Văn V, vắng mặt.
- 11/. Nguyễn Văn Đ, vắng mặt.
- 12/. Nguyễn Thu S1, vắng mặt.
- 13/. Nguyễn Bé H1, vắng mặt.
- 14/. Nguyễn Văn Bé B, vắng mặt.
- 15/. Nguyễn Thị Sau L1, vắng mặt.
- 16/. Nguyễn Thị Yên L2, vắng mặt.
- 17/. Sơn K, vắng mặt.
- 18/. Thị T2, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp 10, xã V A, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- 19/. Nguyễn Thị T3, có mặt.

- 20/. Nguyễn Thị V1, có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- 21/. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Lê Văn U - Chức vụ: Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hậu Giang, có mặt.

Địa chỉ: Khu vực 1, Phường 3, Thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- 22/. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thanh G - Chức vụ Phó Chủ tịch UBND huyện L, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Minh Th; Địa chỉ: Ấp 10, xã V A, huyện L, tỉnh Hậu Giang, (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Mười H trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Đào Thị Ng cho vào năm 1985 khi cho là đất rừng diện tích không rõ bao nhiêu và cho không làm giấy tờ, khi cho xong cụ Ng còn khoảng hơn 40 công đất cày ông Nguyễn Minh Th sử dụng chung với cụ Ng. Năm 1986, cụ Ng có cho con là Nguyễn Đức Nh1

diện tích 2.600m<sup>2</sup> đất, sau đó ông Nh1 đổi đất với bà S3, bà S3 chết để lại đất cho bà Lê Thị T4, bà T4 chuyển nhượng lại cho ông Kh, bà Mươi H với giá 05 giá lúa, khi sang có làm giấy tay, có trưởng ấp xác nhận, phần đất này nằm tại thửa đất 696. Khi nhà nước có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Kh, bà Mươi H có đi kê khai đăng ký thì phát hiện cụ Ng đã kê khai đăng ký đứng tên toàn bộ phần đất đã cho ông Kh, bà Mươi H vào năm 1997. Sau đó ông Kh, bà Mươi H có yêu cầu cụ Ng chuyển tên lại thì cụ Ng nói để cụ Ng đứng tên vì là Mẹ Việt Nam anh hùng không phải đóng thuế. Năm 2000, ông Kh, bà Mươi H tiếp tục yêu cầu cụ Ng làm thủ tục chuyển tên, cụ Ng hứa sẽ cắt chuyển nhưng chưa làm thủ tục thì đến năm 2001 cụ Ng chết. Năm 2002, ông Nguyễn Minh Th tự ý làm thủ tục thừa kế đứng tên toàn bộ phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho cụ Ng, trong đó có đất của cụ Ng đã cho ông Kh, bà Mươi H. Sau khi được đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Th mang thế chấp vay tiền Ngân hàng, ông Kh, bà Mươi H có yêu cầu ông Th chuyển tên lại rất nhiều lần, ông Th hứa sẽ lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở Ngân hàng về làm thủ tục nhưng vẫn không thực hiện.

Năm 2012, nội tộc gia đình có họp lại công nhận cụ Ng đã cho ông Kh, bà Mươi H, thời điểm đó do không rõ diện tích thực tế đang canh tác nên trong Biên bản họp nội tộc ghi diện tích 33.000m<sup>2</sup>. Năm 2013, ông Kh, bà Mươi H có thỏa thuận với ông Th chuyển nhượng cho vợ chồng ông Sơn K, bà Thị T2 diện tích 1.300m<sup>2</sup> tại thửa đất 663 với giá 60.000.000 đồng, khi sang có làm giấy tay thỏa thuận trả trước 50.000.000 đồng, khi nào làm giấy tờ xong trả đủ 10.000.000 đồng còn lại, tiền sang đất ông Kh, bà Mươi H giao cho ông Th đi trả tiền Ngân hàng để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về, sau đó ông Th có lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về và giao cho ông Kh, bà Mươi H đi làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất nhưng cán bộ địa chính xã giao trả lại toàn bộ giấy tờ cho ông Th và trả lời với ông Kh, bà Mươi H là đất vượt mức hạn điền không làm thủ tục chuyển tên được. Ông Th nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về tiếp tục đi vay vốn tại Ngân hàng Liên Việt huyện L và vay ngày một nhiều hơn. Đến năm 2016, ông Kh, bà Mươi H không đồng ý cho ông Th tiếp tục vay tiền nên gửi đơn yêu cầu tại các Ngân hàng, đồng thời yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết tranh chấp. Tại buổi hòa giải ngày 14/3/2016, ông Th có thỏa thuận khi làm xong thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong sẽ làm thủ tục sang tên cho bà Mươi H vợ ông Kh, nhưng sau đó ông Th cũng không thực hiện nên tranh chấp.

Nay ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Mươi H yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Minh Th đứng tên và công nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Kh, bà Mươi H tại các thửa đất 663, 664, 669, 670, 671, 672, 696. Đồng thời, vợ chồng ông Kh, bà Mươi H yêu cầu ông Th phải trả 50.000.000 đồng là tiền mượn trả Ngân hàng và bồi thường tổn thất vật chất, tinh thần phát sinh do đi khởi kiện với số tiền

110.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Mươi H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh Th bồi thường tổn thất vật chất, tinh thần phát sinh do đi khởi kiện với số tiền 110.000.000 đồng và 50.000.000 đồng ông Th mượn trả Ngân hàng.

*Bị đơn Nguyễn Minh Th trình bày:*

Ông Th thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Đào Thị Ng. Vào năm 1985, bà Nguyễn Thị Mươi H lấy chồng, cụ Ng có để cho vợ chồng bà Mươi H canh tác phần đất này xem thế nào rồi mới cho. Vợ chồng bà Mươi H canh tác được một năm thì bỏ đất mua ghe đi buôn bán, vợ chồng ông Th vào cải tạo và canh tác đất khoảng hơn 01 năm thì vợ chồng bà Mươi H về. Thấy bà Mươi H hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng ông Th tiếp tục để đất lại cho vợ chồng bà Mươi H canh tác. Đến năm 1989, vợ chồng bà Mươi H tiếp tục bỏ địa phương đi, vợ chồng ông Th lại canh tác đất đến năm 1997. Việc vợ chồng bà Mươi H nói sang đất của bà T4 là không có. Năm 1997, vợ chồng bà Mươi H về với hoàn cảnh rất khó khăn, lúc đó cụ Ng tiếp tục để đất cho bà Mươi H làm để nuôi con. Năm 2001, cụ Ng chết. trước khi chết cụ Ng có nói cho ông Th toàn bộ phần đất mà cụ đứng tên. Sau khi con của bà Mươi H lớn ông Th sẽ cho lại vài công. Ông Th làm thủ tục thừa kế đứng tên trên toàn bộ đất của cụ Ng để lại là 78.389m<sup>2</sup>. Trong đó đất ông Th được hưởng là 26.755m<sup>2</sup>. Ông Th đã tách Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn C 8.651m<sup>2</sup> và ông Nguyễn Đức Nh1 5.747m<sup>2</sup>, khi ông Th làm thủ tục thừa kế đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ chồng bà Mươi H không ngăn cản gì. Năm 2013, vợ chồng Mươi H có vay mượn bên ngoài không có khả năng trả nợ nên năn nỉ ông Th chuyển nhượng 1.300m<sup>2</sup> đất tại thửa 663 cho vợ chồng Sơn K, Thị T2 với giá 60.000.000 đồng. Năm 2016, ông Th xin cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, toàn bộ các thửa đất tranh chấp ông đang đứng tên. Riêng thửa 663 ông Th đang làm thủ tục và chờ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình hòa giải, ông Th đồng ý tách thửa cho ông Kh, bà Mươi H tại các thửa đất 664, 669, 670, 671, 696. Riêng thửa đất 663 ông Th đồng ý tách cho ông Sơn K, bà Thị T2 1.300m<sup>2</sup>. Diện tích còn lại của thửa đất 663 và thửa đất 672 không đồng ý chuyển tên cho ông Kh, bà Mươi H. Ông Th giữ lại cho chị ruột là Nguyễn Thị S (hiện ông Th đang trực tiếp nuôi dưỡng). Ông Th không đồng ý bồi thường thiệt hại và trả số tiền 50.000.000 đồng cho ông Kh, bà Mươi H. Tại Biên bản ngày 13/6/2017, ông Th đồng ý chuyển tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mươi H và ông Kh nhưng với điều kiện là ông Cao Hoàng T5, bà Nguyễn Thị T phải cam kết nuôi dưỡng bà Nguyễn Thị S đến cuối đời nhưng sau đó Nguyễn Minh Th thay đổi ý kiến, không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Kh, bà Mươi H.

*Quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Ông Sơn K, bà Thị T2: Năm 2013, ông Nguyễn Quốc Kh có chuyển nhượng cho ông Sơn K, bà Thị T2 diện tích 1.300m<sup>2</sup> đất ruộng với giá 60.000.000 đồng, khi chuyển nhượng có làm giấy tay có ông Kh và ông Th ký tên, thỏa thuận trả trước 50.000.000 đồng, khi giao tiền là ông Kh nhận tiền, còn lại khi nào làm giấy tờ xong sẽ giao đủ 10.000.000 đồng. Năm 2014, ông Sơn K, bà Thị T2 có yêu cầu ông Th làm thủ tục chuyển nhượng, nhưng ông Th cứ hứa rồi nói nếu không làm được thủ tục thì trả lại cho ông Sơn K, bà Thị T2 50.000.000 đồng. Nay ông Kh và ông Th phát sinh tranh chấp, ông Sơn K, bà Thị T2 không yêu cầu giải quyết phần đất chung trong vụ kiện này. Có tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bà Phạm Thị H, anh Nguyễn Duy Kh1, anh Nguyễn Minh Ch1 và chị Nguyễn Thị Thúy L (vợ và con của ông Th): Thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Minh Th và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn C: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Đào Thị Ng. Vào năm 1985, bà Nguyễn Thị Mười H lấy chồng, cụ Ng có để cho vợ chồng bà Mười H canh tác phần đất này. Vợ chồng bà Mười H canh tác được một năm thì bỏ đất mua ghe đi buôn bán, vợ chồng ông Th vào cải tạo và canh tác đất khoảng hơn 01 năm thì vợ chồng bà Mười H về, thấy bà Mười H hoàn cảnh khó khăn vợ chồng ông Th để đất lại cho vợ chồng bà Mười H canh tác. Khoảng hai năm sau, vợ chồng bà Mười H tiếp tục bỏ địa phương đi. Năm 1997, cụ Ng hay tin bà Mười H và các cháu nghèo khổ nên rước bà Mười H và các con của bà Mười H về và tiếp tục để đất cho bà Mười H làm để nuôi con. Đến năm 2001, cụ Ng chết, trước khi chết cụ Ng có nói sau khi con của bà Mười H lớn sẽ cho lại đất con bà Mười H. Sau khi cụ Ng chết, ông Th làm thủ tục thừa kế đứng tên toàn bộ đất của cụ Ng để lại là hợp lệ vì ông Th sống chung với cụ Ng, thời điểm đó trong hộ khẩu chỉ có vợ chồng, các con ông Th và bà Nguyễn Thị S.

- Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị V1, bà Nguyễn Thị T3: Yêu cầu Tòa án giải quyết chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mười H và ông Nguyễn Quốc Kh và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện L là ông Nguyễn Thanh Toàn: Trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000182 ngày 25/6/1997 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp cho hộ Đào Thị Ng là đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy. Đối với trường hợp hộ ông Nguyễn Minh Th được UBND huyện L thuận cho tiếp tục sử dụng 78.479m<sup>2</sup> vào ngày 04/02/2002, qua trích lục hồ sơ lưu trữ tại Trung tâm công nghệ thông tin tỉnh Hậu Giang và Văn phòng đăng ký đất đai huyện L thì thấy hồ sơ này không có lưu trữ nên UBND huyện L không thể khẳng định về trình tự thuận cho hộ ông Nguyễn Minh Th được tiếp tục sử dụng đất của hộ Đào Thị Ng là đúng hay chưa đúng so với quy định của pháp luật tại thời điểm năm 2002.

- Đại diện theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang là ông Lê Văn U: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000182, ngày 25/6 1997 do UBND huyện L cấp cho hộ Đào Thị Ng, với tổng diện tích 79.929m<sup>2</sup>. Nguồn gốc sử dụng đất là “đất gốc”. Ngày 04/02/2002, UBND huyện L chỉnh lý trên trang 4 giấy chứng nhận cho phép hộ Nguyễn Minh Th được tiếp tục sử dụng phần diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do mẹ là Đào Thị Ng chết để lại. Ngày 25/4/2016, hộ ông Nguyễn Minh Th lập thủ tục đề nghị đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Qua kiểm tra hồ sơ, trường hợp đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận của hộ ông Nguyễn Minh Th đủ điều kiện cấp đổi theo quy định tại Điều 76 Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 và khoản 1 Điều 10 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang ký cấp đổi ngày 10/5/2016, tổng số 13 Giấy chứng nhận mang tên hộ ông Nguyễn Minh Th tương ứng với 13 thửa đất.

Riêng thửa đất số 663, tờ bản đồ số 17, diện tích 6149,0m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: Đất hoang đồng bằng (Hgđb) tại thời điểm cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất này đã cấp sai mục đích sử dụng đất nên chờ xin ý kiến hướng dẫn của Tổng cục Quản lý đất đai, chưa được cấp đổi. Hiện tại, Sở không có tiếp nhận hồ sơ giao dịch của hộ ông Nguyễn Minh Th.

Chị Nguyễn Thị T1, anh Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thu S1, anh Nguyễn Bé H1, anh Nguyễn Văn Bé B, chị Nguyễn Thị Sau L1, chị Nguyễn Thị Yến L2: Phần đất tranh chấp giữa ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Mười H với ông Nguyễn Minh Th không có liên quan, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2017/DS-ST ngày 27/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định:*

Căn cứ: Điều 34, Điều 147, Điều 157, Điều 158, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 12; Điều 26, điểm b khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Áp dụng: Điều 38, Điều 76 của Luật đất đai năm 1993; Điều 743 Bộ luật dân sự 1995; Điều 203, 106, 166 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 163, 164 của Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Mười H yêu cầu bị đơn Nguyễn Minh Th trả số tiền 50.000.000

đồng và bồi thường thiệt hại với số tiền 110.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Mười H về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và công nhận phần đất đang sử dụng.

Công nhận cho nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Mười H được quyền sử dụng đất tổng diện tích là 37.067,5m<sup>2</sup> thể hiện tại các thửa đất theo đo đạc thực tế diện tích đất cụ thể như sau: Thửa 664 diện tích 1.155,7m<sup>2</sup>; thửa 669 diện tích 10.332,9m<sup>2</sup>; thửa 670 diện tích 150m<sup>2</sup>; thửa 671 diện tích 3.234,5m<sup>2</sup>; thửa 672 diện tích 8.814,7m<sup>2</sup>; thửa 696 diện tích 7.546,5m<sup>2</sup> và một phần thửa 663, diện tích 5.833,2m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại ấp 10, xã V A, huyện L, tỉnh Hậu Giang (có sơ đồ kèm theo).

Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp ngày 10/5/2016 do hộ Nguyễn Minh Th đứng tên chủ sử dụng, cụ thể như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS1452, thửa số 670, tờ bản đồ 17, diện tích 150,0m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS1449, thửa số 671, tờ bản đồ 17, diện tích 3842,0m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS1454, thửa số 664, tờ bản đồ 17, diện tích 1156,0m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS1447, thửa số 672, tờ bản đồ 17, diện tích 9740,0m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS1451, thửa số 696, tờ bản đồ 17, diện tích 8113,0m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS01453 thửa số 669, tờ bản đồ 17, diện tích 8176,0m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.

Dành quyền khởi kiện vụ án khác cho ông Sơn K, bà Thị T2 đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Quốc Kh, ông Nguyễn Minh Th với ông Sơn K, bà Thị T2.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 24/10/2017, ông Nguyễn Minh Th có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án vì phần đất tranh chấp do ông Th đăng ký tên người sử dụng đất trên 15 năm và đóng thuế theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Minh Th trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì từ năm 1994 ông Kh đã cất hộ khẩu đi nơi khác, từ năm 2002 ông Th đóng thuế đất tranh chấp và ông Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với phần đất tranh chấp. Án sơ thẩm giao đất cho ông Kh là không đúng.

Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Mười H thống nhất trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị bác kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu về chấp hành pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, của đương sự; phân tích các chứng cứ có ở hồ sơ, ý kiến của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về quan hệ pháp luật cần bổ sung yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục:

[1.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Sơn K, bà Thị T2, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị V1, anh Nguyễn Duy Kh1, anh Nguyễn Minh Ch1, chị Nguyễn Thị Thúy L, chị Nguyễn Thị Tiên, anh Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thu S1, anh Nguyễn Bé H1, anh Nguyễn Văn Bé B, chị Nguyễn Thị Sau L1, chị Nguyễn Thị Yên L2, đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang, đại diện Ủy ban nhân dân huyện L vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn Nguyễn Minh Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị H, Nguyễn Văn C vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là đúng quy định.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn, công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn. Do đó quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Phần đất tranh chấp thuộc địa giới huyện L nên Tòa án huyện L thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân huyện L chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang để giải quyết theo thẩm quyền. Xét vụ án cần xem xét huỷ quyết định cá biệt rõ ràng trái pháp luật, căn cứ vào Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 32 của Luật tố tụng hành chính.



Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.3] Quá trình giải quyết, nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Th trả 50.000.000 đồng ông Th mượn và bồi thường thiệt hại với số tiền 110.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Kh, bà Mươi H xin rút yêu cầu khởi kiện này. Việc rút yêu cầu của ông Kh, bà Mươi H là tự nguyện nên án sơ thẩm căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 217, Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là đúng.

[1.4] Tại Biên bản hòa giải ngày 23/5/2017, ông Sơn K, bà Thị T2 có yêu cầu ông Kh và ông Th thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng sau đó ông Sơn K, bà Thị T2 có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Do đó, án sơ thẩm không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Mươi H:

[2.1] Nguyên đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Minh Th đứng tên và công nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Mươi H tại các thửa đất: 663, 664, 669, 670, 671, 672, 696, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại ấp 10, xã V A, huyện L, tỉnh Hậu Giang vì những phần đất trên ông, bà đã được mẹ là cụ Ng cho vào năm 1985 và vào năm 1989 ông Kh, bà Mươi H có sang thêm của bà Lê Thị T4 02 công sử dụng liên tục cho đến nay. Phần đất có diện tích đo đạc thực tế theo Sơ đồ đo đạc ngày 21/8/2017 của Công ty TNHH XD-DV Nhà đất Long An và được các đương sự thống nhất làm căn cứ giải quyết. Diện tích các thửa cụ thể như sau: thửa 664 diện tích 1.156m<sup>2</sup> (thực tế 1.155,7m<sup>2</sup>), thửa 669 diện tích 8.176m<sup>2</sup> (thực tế 10.332,9m<sup>2</sup>), thửa 670 diện tích 150m<sup>2</sup> (thực tế 150m<sup>2</sup>), thửa 671 diện tích 3.842m<sup>2</sup> (thực tế 3.234,5m<sup>2</sup>), thửa 672 diện tích 9.740m<sup>2</sup> (thực tế 8.814,7m<sup>2</sup>), thửa 696 diện tích 8.113m<sup>2</sup> (thực tế 7.546,5m<sup>2</sup>). Thửa 663 diện tích 6.149m<sup>2</sup> (thực tế 5.833,2m<sup>2</sup>, chưa tính phần đất đã chuyển nhượng cho ông Sơn K, bà Thị T2). Phần đất tranh chấp có tổng diện tích đo đạc thực tế 37.067,5m<sup>2</sup>. Toàn bộ diện tích đất tranh chấp do ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Mươi H đang quản lý sử dụng, riêng thửa 663 có 1.300m<sup>2</sup> ông Sơn K, bà Thị T2 đang quản lý sử dụng.

[2.2] Phần đất tranh chấp ông Kh, bà Mươi H đã được cụ Ng cho vào năm 1985, ông bà đã nhận đất canh tác và được bị đơn là ông Th cũng như tất cả anh chị em của bà Mươi H thừa nhận. Mặc dù sau đó ông Kh, bà Mươi H có ngưng canh tác đất một thời gian nhưng đến khoảng năm 1994 thì ông, bà đã về canh tác đất liên tục cho đến nay. Trong suốt thời gian cụ Ng còn sống thì cụ cũng không có lấy lại phần đất đã cho ông Kh, bà Mươi H. Cụ thể là sau khi bà Mươi H về thì cụ Ng cùng đã giao toàn bộ phần đất đã cho vào năm 1985 cho bà Mươi H tiếp tục sử dụng. Chính ông Th thừa nhận từ năm 1997 cụ Ng giao phần đất tranh chấp cho vợ chồng ông Kh, bà Mươi H sử dụng. Còn việc cụ Ng chỉ cho làm thôi chứ không cho hẳn, trước khi chết cụ

Ng có nói là giao lại toàn bộ đất cho ông Th sử dụng chỉ tự ông Th nói không có giấy tờ.

[2.3] Việc cụ Ng đăng ký kê khai và sau đó được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phía ông Kh và bà Mười H biết nhưng vẫn đồng ý để cụ Ng đứng tên. Vì vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Đào Thị Ng bao gồm phần đất tranh chấp theo đăng ký có nguồn gốc là đất gốc là đúng qui định. Năm 2001, cụ Ng chết không để lại di chúc, Ủy ban nhân dân huyện L căn cứ Điều 580 và Điều 740 Bộ luật dân sự năm 1995 thuận cho hộ ông Nguyễn Minh Th tiếp tục sử dụng là chưa phù hợp với qui định của pháp luật. Bởi lẽ căn cứ Điều 743 Bộ luật dân sự năm 1995, Điều 76 Luật đất đai năm 1993 thì khi trong hộ có thành viên chết thì diện tích đất thổ cư, đất trồng cây lâu năm ... được để lại thừa kế theo qui định của pháp luật. Ủy ban nhân dân huyện L thuận cho ông Th tiếp tục sử dụng nhưng không cung cấp được văn bản thể hiện ý kiến của các đồng thừa kế của cụ Ng là sai. Tại thời điểm ông Th được thuận cho sử dụng đất thì phần đất tranh chấp vẫn do vợ chồng ông Kh, bà Mười H quản lý, sử dụng. Ủy ban nhân dân huyện L không thẩm tra làm rõ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người đang sử dụng đất. Ngoài ra, ông Th còn đứng tên những phần đất do ông Nguyễn Văn C đang sử dụng diện tích 8.651m<sup>2</sup> và ông Nguyễn Đức Nh1 sử dụng diện tích 5.747m<sup>2</sup>. Vì vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện L cấp quyền sử dụng đất cho ông Th là không đúng qui định của pháp luật.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Th cũng thừa nhận ông Kh, bà Mười H được cụ Ng cho phần đất tranh chấp và ông nhiều lần đồng ý tách chuyển quyền sử dụng đất cho ông Kh, bà Mười H thể hiện tại Biên bản hòa giải ngày 14/3/2016 của Tổ hòa giải ấp 10, xã V A (bút lục 124); Biên bản làm việc ngày 13/6/2017 (bút lục 278); Biên bản hòa giải ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang (bút lục 273, 274). Bên cạnh đó, Biên bản họp nội tộc (bút lục 119, 120) cùng lời khai của các đương sự như: ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị V1, bà Nguyễn Thị T3, ông Cao Hoàng T5 đều xác định phần đất tranh chấp cụ Ng đã cho vợ chồng ông Kh, bà Mười H khi cụ còn sống. Lời thừa nhận của ông Th phù hợp với ý kiến của các anh chị em khác của ông Th, bà Mười H tại Biên bản họp nội tộc ngày 21/7/2012 (bút lục 119, 120), tức sau khi cụ Ng chết. Do đó, ông Th cho rằng cụ Ng không cho đất ông Kh, bà Mười H là không có cơ sở, không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án.

[2.5] Trong phần đất tranh chấp, ông Kh, bà Mười H cho rằng có 2.600m<sup>2</sup> đất cụ Ng cho ông Nguyễn Đức Nh1, sau đó ông Nhân đổi đất với bà S3. Bà S3 chết để lại đất cho bà Lê Thị T4 và bà T4 chuyển nhượng lại cho nguyên đơn với giá 05 giạ lúa, khi sang có làm giấy tay, có trưởng ấp xác nhận, phần đất này nằm tại thửa đất 696. Mặc dù bà T4 không thừa nhận có chuyển nhượng đất cho ông Kh, bà Mười H và cho rằng bà không có liên

quan gì đến vụ án nhưng việc chuyển nhượng này đã được lập thành văn bản có xác nhận của chính quyền áp thời điểm đó (bút lục 09, 323). Đồng thời, nguồn gốc phần đất này cũng là của cụ Ng và đã được ông Kh, bà Mười H sử dụng từ liên tục từ năm 1989 đến nay mà không có bất kỳ sự phản đối hay ngăn cản nào từ phía bà T4, ông Th cũng như các đồng thừa kế khác của cụ Ng nên có đủ cơ sở công nhận cho ông Kh, bà Mười H.

[2.6] Từ những nhận định trên, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kh, bà Mười H, hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Nguyễn Minh Th đứng tên và công nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Mười H tại các thửa đất: 663, 664, 669, 670, 671, 672, 696, tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại ấp 10 xã V A, huyện L, tỉnh Hậu Giang với tổng diện tích là 37.067,5m<sup>2</sup>. Đối với thửa đất số 663, tờ bản đồ số 17, diện tích 6149,0m<sup>2</sup> (thực tế 5.833,2m<sup>2</sup> chưa tính phần đất đã chuyển nhượng cho ông Sơn K, bà Thị T2) mục đích sử dụng đất: Đất hoang đồng bằng (HgdB) tại thời điểm cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất này đã cấp sai mục đích sử dụng đất đang chờ xin ý kiến hướng dẫn của Tổng cục Quản lý đất đai, chưa được cấp đổi. Việc Ủy ban nhân dân huyện L cấp sai mục đích sử dụng đất không ảnh hưởng đến quyền sử dụng của người dân. Phần đất ông Kh, bà Mười H đang quản lý, canh tác ổn định nên việc công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Mười H để làm cơ sở được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp. Ông Th cho rằng phần đất tranh chấp ông đã được cụ Ng trước khi chết nói để lại cho ông nhưng ông Th không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Minh Th có thân nhân là liệt sĩ nên căn cứ qui định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn được miễn toàn bộ án phí. Nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Mười H được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp như sau: Số tiền 19.388.000 đồng theo Biên lai thu số 0010257, ngày 25/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L và số tiền 4.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0013810 ngày 31/8/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

[3] Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ vào Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Nguyễn Minh Th phải chịu tiền chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ với số tiền 12.640.602đ, được làm tròn số là 12.640.600đ (Mười H triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) để đảm bảo thi hành án được (nộp trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Mười H).

Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Minh Th không có cơ sở chấp nhận, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Miễn cho ông Nguyễn Minh Th.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh Th.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ: Điều 34, Điều 147, Điều 157, Điều 158, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 12; Điều 26, điểm b khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Áp dụng: Điều 38, Điều 76 của Luật đất đai năm 1993; Điều 743 Bộ luật dân sự 1995; Điều 203, 106, 166 của Luật đất đai năm 2013; các Điều 163, 164 của Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Mươi H yêu cầu bị đơn Nguyễn Minh Th trả số tiền 50.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại với số tiền 110.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Mươi H về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Minh Th và công nhận phần đất đang sử dụng cho nguyên đơn.

Công nhận cho nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Mươi H được quyền sử dụng đất tổng diện tích là 37.067,5m<sup>2</sup> thể hiện tại các thửa đất theo đo đạc thực tế diện tích đất cụ thể như sau: Thửa 664 diện tích 1.155,7m<sup>2</sup>; thửa 669 diện tích 10.332,9m<sup>2</sup>; thửa 670 diện tích 150m<sup>2</sup>; thửa 671 diện tích 3.234,5m<sup>2</sup>; thửa 672 diện tích 8.814,7m<sup>2</sup>; thửa 696 diện tích 7.546,5m<sup>2</sup> và một phần thửa 663, diện tích 5.833,2m<sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 17, đất tọa lạc tại ấp 10, xã V A, huyện L, tỉnh Hậu Giang (có sơ đồ kèm theo).

Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp ngày 10/5/2016 do hộ Nguyễn Minh Th đứng tên chủ sử dụng, cụ thể như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS1452, thửa số 670, tờ bản đồ 17, diện tích 150,0m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS1449, thửa số 671, tờ bản đồ 17, diện tích 3842,0m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa

nước.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS1454, thửa số 664, tờ bản đồ 17, diện tích 1156.0m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS1447, thửa số 672, tờ bản đồ 17, diện tích 9740.0m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm khác.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS1451, thửa số 696, tờ bản đồ 17, diện tích 8113.0m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số CS01453 thửa số 669, tờ bản đồ 17, diện tích 8176.0m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.

Dành quyền khởi kiện vụ án khác cho ông Sơn K, bà Thị T2 đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Quốc Kh, ông Nguyễn Minh Th với ông Sơn K, bà Thị T2.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Minh Th được miễn toàn bộ án phí.

- Ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Mười H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp như sau: Số tiền 19.388.000đ (mười chín triệu ba trăm tám mươi tám ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0010257, ngày 25/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L và số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) theo Biên lai thu số 0013810 ngày 31/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

- Án phí phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Minh Th, ông Th được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0014377 ngày 30/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Minh Th phải chịu chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ với số tiền là 12.640.600đ (Mười H triệu sáu trăm bốn mươi ngàn sáu trăm đồng), do nguyên đơn ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Mười H đã nộp tạm ứng nên ông Nguyễn Minh Th phải nộp lại để trả cho ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị Mười H.

Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Xuân Minh**

**Hoàng Thanh Dũng**

**Trương Văn Bình**